



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- a) Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao, đồng thời đảm bảo là công nghệ sạch;
- b) Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;
- c) Nâng cao năng suất và chất lượng;
- d) Xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- e) Khai thác thông tin và quảng bá.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng là các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học để đổi mới, cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, hình thành ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

- Một nội dung chính sách chỉ được hỗ trợ một lần cho một đối tượng được thụ hưởng. Trong cùng một thời gian, nếu đối tượng có đủ điều kiện được hưởng nhiều nội dung khác nhau thì chỉ được lựa chọn áp dụng một nội dung hỗ trợ phù hợp nhất. Việc hỗ trợ chỉ áp dụng cho đối tượng, nội dung chưa được hỗ trợ từ các chính sách, chương trình, dự án khác của Trung ương và của tỉnh.

- Chỉ hỗ trợ cho các đối tượng hoạt động và triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ và giải pháp thực hiện

1. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới và ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, đồng thời đảm bảo là công nghệ sạch.

Handwritten signature

a) Nội dung hỗ trợ:

- Chi phí nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ do tổ chức cá nhân tự thực hiện hoặc liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện;

- Chi phí mua công nghệ bao gồm: giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm;

- Chi phí nguyên liệu, năng lượng sản xuất thử;

- Chi phí hỗ trợ trả tiền công cho người lao động và cán bộ kỹ thuật trực tiếp tham gia trong thời gian sản xuất thử;

- Chi phí phân tích, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất thử;

- Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm;

- Chi phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý công nghệ và đổi mới công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí các nội dung trên nhưng không quá 500.000.000 đồng/dự án;

c) Thời gian hỗ trợ: Trong vòng 3 năm, mỗi tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ một lần/01 một dự án.

d) Giải pháp thực hiện:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập hội đồng thẩm định chuyên ngành xem xét về tính khoa học, tính khả thi và thẩm định dự toán tổng kinh phí thực hiện dự án khoa học và công nghệ làm căn cứ cho việc xem xét, hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện.

- Những dự án khoa học và công nghệ đề nghị hỗ trợ kinh phí nếu trùng lặp với đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước đã và đang thực hiện hoặc đang trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ, thì không được xem xét hỗ trợ kinh phí theo chính sách này.

e) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đối với hỗ trợ kinh phí thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới, hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án khoa học và công nghệ (mẫu Phụ lục II kèm theo Quy định này);

+ Bản sao hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới;

+ Bản sao Catalogue, tài liệu liên quan đến thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới (nếu có);

+ Bản sao các hóa đơn, chứng từ có liên quan;

nlul

+ Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật) (nếu có).

- Đối với hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ, hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án khoa học và công nghệ (mẫu Phụ lục II kèm theo Quy định này);

+ Bản sao hóa đơn, chứng từ có liên quan;

+ Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật) (nếu có).

2. Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp:

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí tiền công lao động trực tiếp nhưng tối đa không quá 80.000.000 đồng/tổ chức, doanh nghiệp;

- Thời gian hỗ trợ: Không quá 01 năm/tổ chức, doanh nghiệp;

- Số lượng hỗ trợ: Không quá 10 tổ chức, doanh nghiệp/năm.

- Giải pháp thực hiện:

+ Ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

+ Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (mẫu Phụ lục III kèm theo Quy định này);

+ Bản sao hóa đơn, chứng từ có liên quan;

+ Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật).

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

WML

- Nội dung hỗ trợ: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí sử dụng dịch vụ nhưng tối đa không quá 80.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

- Giải pháp thực hiện: Ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này);

+ Bản sao hóa đơn, chứng từ có liên quan;

+ Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật) (nếu có).

c) Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí nhưng tối đa không quá 150.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;

- Thời gian hỗ trợ: Không quá 01 năm/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;

- Số lượng hỗ trợ: Không quá 10 tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp/năm.

- Giải pháp thực hiện:

+ Ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

+ Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (mẫu Phụ lục III kèm theo Quy định này);

+ Bản sao hóa đơn, chứng từ có liên quan;



+ Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật) (nếu có).

d) Chi giải thưởng Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh:

| Nội dung chi | Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (đồng) | Hội thi sáng tạo kỹ thuật (đồng) |
|-------------------|--|----------------------------------|
| Giải nhất | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Giải nhì | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Giải ba | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Giải khuyến khích | 5.000.000 | 5.000.000 |

3. Hỗ trợ trong lĩnh vực nâng cao năng suất và chất lượng

3.1. Nội dung hỗ trợ

a) Các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, được hỗ trợ tối đa một lần đối với một loại hệ thống:

- 40.000.000 đồng/01 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế;

- 30.000.000 đồng/01 hệ thống quản lý chất lượng theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành;

- 20.000.000 đồng/01 công cụ cải tiến năng suất chất lượng.

b) Các tổ chức, doanh nghiệp đạt được giải thưởng chất lượng, được hỗ trợ tối đa một lần đối với một loại giải:

- Giải thưởng chất lượng quốc gia: 20.000.000 đồng;

- Giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 30.000.000 đồng.

c) Các tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm được các tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cấp Giấy chứng nhận phù hợp, được hỗ trợ tối đa tính theo chủng loại sản phẩm:

- Phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam: 15.000.000 đồng;

- Phù hợp Tiêu chuẩn nước ngoài: 15.000.000 đồng;

- Phù hợp Tiêu chuẩn Quốc tế: 20.000.000 đồng;

- Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật: 30.000.000 đồng.

d) Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có các sản phẩm được truy xuất nguồn gốc đúng theo quy định của pháp luật, được hỗ trợ một lần tối đa: 5.000.000 đồng đối với nhóm 05 sản phẩm/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; 10.000.000 đồng đối với nhóm trên 5 sản phẩm/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

V. V. V.

3.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- + Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này);
- + Bản sao quyết định cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng/giải thưởng chất lượng/giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp/sản phẩm được truy xuất nguồn gốc;
- + Bản sao giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng/giải thưởng chất lượng/giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp/sản phẩm được truy xuất nguồn gốc;
- + Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật) (nếu có).

4. Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

4.1. Nội dung hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, bảo hộ độc quyền về sáng chế, giải pháp hữu ích được hỗ trợ tối đa:

- a) 10.000.000 đồng/nhãn hiệu thông thường;
- b) 20.000.000 đồng/nhãn hiệu tập thể;
- c) 30.000.000 đồng/nhãn hiệu chứng nhận;
- d) 30.000.000 đồng/kiểu dáng công nghiệp;
- e) 50.000.000 đồng/sáng chế;
- f) 30.000.000 đồng/giải pháp hữu ích.

4.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- + Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này);
- + Bản sao Quyết định cấp văn bằng bảo hộ;
- + Bản sao văn bằng bảo hộ;
- + Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật) (nếu có).

5. Hỗ trợ khai thác thông tin và quảng bá

- a) Khai thác thông tin sở hữu trí tuệ miễn phí tại Sở Khoa học và Công nghệ nhằm xây dựng, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ;
- b) Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ các sản phẩm làng nghề, OCOP đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận;
- c) Hỗ trợ tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm công nghệ và thiết bị, tối đa:
 - 5.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia trong tỉnh;
 - 12.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia ngoại tỉnh;
 - 50.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia ở nước ngoài.

WML

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- + Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu Phụ lục I kèm theo Quy định này);
- + Văn bản đăng ký tham gia hội chợ, triển lãm công nghệ và thiết bị của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;
- + Bản sao Giấy chứng nhận hoặc giấy khen tham gia hội chợ triển lãm công nghệ và thiết bị (nếu có);
- + Bản sao các hóa đơn, chứng từ liên quan;
- + Bản sao Hồ sơ pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định pháp luật) (nếu có).

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 -2025 được bố trí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

UBND tỉnh giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các ngành chức năng tổ chức thẩm định hồ sơ và quyết định mức hỗ trợ kinh phí theo các quy định tại Nghị quyết Quy định về chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025.

Trong trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo rõ lý do bằng văn bản cho đơn vị được biết trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách của Quyết định Quy định về chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Theo dõi và định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Quyết định bảo đảm có hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

neu



PHỤ LỤC I

(Mẫu Phụ lục ban hành kèm Quy định)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí theo chính sách hỗ trợ sáng tạo khoa học và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

I. Thông tin về đơn vị, cơ sở

- Tên đơn vị, cơ sở:.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Điện thoại: Email:
- Đại diện theo pháp luật: Họ và tên:..... Chức vụ..... *(nếu có)*
-(1)..... số.....do.....cấp ngày.....

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ

| STT | Nội dung đề nghị hỗ trợ | Căn cứ hỗ trợ (điểm, khoản, điều...) | Ghi chú |
|-----|-------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

Số tiền hỗ trợ đề nghị chuyển vào tài khoản số:; Tên tài khoản:; Tài khoản mở tại:.....

III. Các tài liệu, hồ sơ gửi kèm gồm có:

1.
2.
3.

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ./.

Quảng Bình, ngày ... tháng ... năm 20...

Đại diện đơn vị, cơ sở

(ký và ghi rõ họ tên)

(1) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật

Handwritten signature



PHỤ LỤC II

(Mẫu Phụ lục ban hành kèm Quy định)

BÁO CÁO TỔNG HỢP

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Mở đầu (nếu có)

2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có trong tỉnh, trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến Dự án khoa học và công nghệ; trình độ công nghệ mà dự án cần hoàn thiện so với trong tỉnh, trong nước và quốc tế; cập nhật các thông tin đến thời điểm báo cáo; nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà nhiệm vụ cần giải quyết.

Dự án khoa học và công nghệ ghi rõ xuất xứ từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)

- Nêu mục tiêu hoàn thiện công nghệ, quy mô và trình độ của công nghệ cần đạt được, tính khả thi và hiệu quả kinh tế của dự án.

3. Nội dung dự án khoa học công nghệ đã thực hiện

Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai dự án.

Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm).

Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

Tóm tắt quá trình tổ chức sản xuất thử nghiệm như:

- Năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; hoạt động liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ và tổ chức sản xuất thử nghiệm;

- Địa điểm thực hiện dự án (*nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về vị trí địa lý, địa hình, cơ sở hạ tầng... của địa bàn triển khai dự án*); bố trí nhà xưởng phù hợp hay chưa...;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (*làm rõ những trang thiết bị đã được sử dụng bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; tình hình cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;...*);

- Nguyên vật liệu (*tình hình cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập từ nước ngoài; các dự báo về nguồn nguyên vật liệu chủ yếu...*);

- Số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; tình hình tổ chức nhân lực; tình hình đào tạo phục vụ dự án (*số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân*);

- Môi trường (*đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục*).

4. Kinh phí thực hiện dự án khoa học công nghệ

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung các khoản chi | Số tiền | Ghi chú |
|-----|---|---------|---------|
| 1 | Chi phí mua công nghệ | | |
| 2 | Chi phí nguyên liệu, năng lượng sản xuất thử | | |
| 3 | Chi phí hỗ trợ trả tiền công cho người lao động và cán bộ kỹ thuật trực tiếp tham gia trong thời gian sản xuất thử | | |
| 4 | Chi phí phân tích, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất thử | | |
| 5 | Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm | | |
| 6 | Chi phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý công nghệ và đổi mới công nghệ cho cán bộ kỹ thuật | | |
| ... | | | |
| | Tổng cộng | | |

Handwritten signature

5. Các kết quả đạt được

Mô tả ngắn gọn các kết quả khoa học công nghệ đã đạt được. Nêu các sản phẩm KH&CN chính của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt; phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài.

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án;

- Mức độ hoàn thiện công nghệ, dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ; chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất;

- Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng/vật nuôi; các công trình khoa học, ấn phẩm đã xuất bản, công bố; kết quả đào tạo cán bộ.

Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

- Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm (*thông qua số lượng tổ chức, cá nhân ứng dụng thử nghiệm công nghệ thành công, quy mô sản xuất sản phẩm...*).

- Hiệu quả kinh tế trực tiếp (*giảm giá thành, số tiền làm lợi thu được do ứng dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện dự án...*).

- Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường, quốc phòng, an ninh (*tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...*)

Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc. Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; Liên doanh, liên kết; Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất-kinh doanh; Hình thức khác (nêu rõ).

6. Kết luận

Trình bày những kết quả của nhiệm vụ một cách ngắn gọn, không có lời bàn và bình luận thêm.

7. Kiến nghị

Kiến nghị chuyển giao các kết quả của dự án vào sản xuất ở qui mô công nghiệp, thương mại hóa sản phẩm...

8. Danh mục tài liệu tham khảo

Chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để nghiên cứu và bàn luận trong báo cáo.

9. Phụ lục

Quảng Bình, ngày.....tháng.....năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ

(Ký tên, đóng dấu)





PHỤ LỤC III

((Mẫu Phụ lục ban hành kèm Quy định))

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Mở đầu (nếu có)

2. Mô tả về dự án khởi nghiệp ĐMST: Mô tả tổng quát về sản phẩm, dự án khởi nghiệp. Lý do khai thác, phát triển sản phẩm, dự án này? Tính mới, tính sáng tạo của sản phẩm, dự án? Giải pháp, công nghệ (nếu có) của sản phẩm, dự án? Sự khác biệt của sản phẩm, dự án so với sản phẩm hiện có trên thị trường? Mô hình/ kế hoạch/ chiến lược kinh doanh ?...

3. Thị trường: Khách hàng là ai? Tại sao họ sẽ mua/sử dụng sản phẩm, dịch vụ? Tiềm năng quy mô thị trường? Đối thủ cạnh tranh? Phương pháp tổ chức và quản lý,..., kế hoạch tiếp thị, phát triển thị trường (truyền thông, tiêu thụ sản phẩm). Khả năng thương mại hóa sản phẩm? Cách thức bán hàng? Doanh thu của sản phẩm đến từ những nguồn nào ?...

4. Nguồn lực thực hiện: Mô tả về nguồn lực thực hiện dự án (nhân lực; tài chính; trang thiết bị, công nghệ (nếu có), các điều kiện cần thiết thực hiện dự án/ sản phẩm,....)

5. Quá trình thực hiện dự án ĐMST: Mô tả các nội dung mà dự án đã thực hiện

6. Kinh phí thực hiện dự án ĐMST:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Nội dung các khoản chi | Số tiền | Ghi chú |
|-----|---|---------|---------|
| 1 | Chi phí hỗ trợ trả tiền công cho người lao động và cán bộ kỹ thuật trực tiếp tham gia trong quá trình thực hiện dự án | | |
| 2 | Chi phí nguyên liệu, năng lượng sản xuất | | |
| 3 | Chi phí phân tích, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất | | |
| 4 | Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm | | |
| 5 | Chi phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý công nghệ và đổi mới công nghệ cho cán bộ kỹ thuật | | |
| ... | | | |
| | Tổng cộng | | |

Handwritten signature

7. Những kết quả, lợi ích về kinh tế, xã hội và đóng góp về môi trường của dự án khởi nghiệp ĐMST

8. Những khó khăn, thách thức mà Dự án khởi nghiệp ĐMST đang và sẽ phải đối mặt ? Giải pháp giải quyết các vấn đề này ? Đề xuất, kiến nghị?

9. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của sản phẩm, dự án sau 1 năm, 2 năm, 3 năm... ? (hướng phát triển, quy mô, tiềm năng,...).

10. Kết luận, kiến nghị

11. Phụ lục

Quảng Bình, ngày.....tháng.....năm 20...
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỦ TRÌ
(Ký tên, đóng dấu)

nuu

| STT | Nội dung các lĩnh vực chi | Số tiền | Chi số |
|-----|--|---------|--------|
| 1 | Cải thiện kỹ thuật canh tác | | |
| 2 | Cải thiện kỹ thuật tưới tiêu | | |
| 3 | Cải thiện kỹ thuật chăm sóc cây trồng | | |
| 4 | Cải thiện kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh | | |
| 5 | Cải thiện kỹ thuật thu hoạch và sơ chế | | |
| 6 | Cải thiện kỹ thuật vận chuyển và tiêu thụ | | |
| 7 | Cải thiện kỹ thuật tiếp cận thị trường | | |
| 8 | Cải thiện kỹ thuật quản lý tài chính | | |
| 9 | Cải thiện kỹ thuật quản lý nhân lực | | |
| 10 | Cải thiện kỹ thuật quản lý rủi ro | | |
| 11 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường | | |
| 12 | Cải thiện kỹ thuật quản lý xã hội | | |
| 13 | Cải thiện kỹ thuật quản lý pháp luật | | |
| 14 | Cải thiện kỹ thuật quản lý công nghệ | | |
| 15 | Cải thiện kỹ thuật quản lý thông tin | | |
| 16 | Cải thiện kỹ thuật quản lý năng lực | | |
| 17 | Cải thiện kỹ thuật quản lý văn hóa | | |
| 18 | Cải thiện kỹ thuật quản lý đạo đức | | |
| 19 | Cải thiện kỹ thuật quản lý tinh thần | | |
| 20 | Cải thiện kỹ thuật quản lý sức khỏe | | |
| 21 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường sống | | |
| 22 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường làm việc | | |
| 23 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường học tập | | |
| 24 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường vui chơi | | |
| 25 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường thể thao | | |
| 26 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường nghệ thuật | | |
| 27 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường khoa học | | |
| 28 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường công nghệ | | |
| 29 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường truyền thông | | |
| 30 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường văn hóa | | |
| 31 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường xã hội | | |
| 32 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường pháp luật | | |
| 33 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường công nghệ | | |
| 34 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường thông tin | | |
| 35 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường năng lực | | |
| 36 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường văn hóa | | |
| 37 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường đạo đức | | |
| 38 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường tinh thần | | |
| 39 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường sức khỏe | | |
| 40 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường sống | | |
| 41 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường làm việc | | |
| 42 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường học tập | | |
| 43 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường vui chơi | | |
| 44 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường thể thao | | |
| 45 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường nghệ thuật | | |
| 46 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường khoa học | | |
| 47 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường công nghệ | | |
| 48 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường truyền thông | | |
| 49 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường văn hóa | | |
| 50 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường xã hội | | |
| 51 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường pháp luật | | |
| 52 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường công nghệ | | |
| 53 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường thông tin | | |
| 54 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường năng lực | | |
| 55 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường văn hóa | | |
| 56 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường đạo đức | | |
| 57 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường tinh thần | | |
| 58 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường sức khỏe | | |
| 59 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường sống | | |
| 60 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường làm việc | | |
| 61 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường học tập | | |
| 62 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường vui chơi | | |
| 63 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường thể thao | | |
| 64 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường nghệ thuật | | |
| 65 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường khoa học | | |
| 66 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường công nghệ | | |
| 67 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường truyền thông | | |
| 68 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường văn hóa | | |
| 69 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường xã hội | | |
| 70 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường pháp luật | | |
| 71 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường công nghệ | | |
| 72 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường thông tin | | |
| 73 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường năng lực | | |
| 74 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường văn hóa | | |
| 75 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường đạo đức | | |
| 76 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường tinh thần | | |
| 77 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường sức khỏe | | |
| 78 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường sống | | |
| 79 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường làm việc | | |
| 80 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường học tập | | |
| 81 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường vui chơi | | |
| 82 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường thể thao | | |
| 83 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường nghệ thuật | | |
| 84 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường khoa học | | |
| 85 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường công nghệ | | |
| 86 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường truyền thông | | |
| 87 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường văn hóa | | |
| 88 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường xã hội | | |
| 89 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường pháp luật | | |
| 90 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường công nghệ | | |
| 91 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường thông tin | | |
| 92 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường năng lực | | |
| 93 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường văn hóa | | |
| 94 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường đạo đức | | |
| 95 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường tinh thần | | |
| 96 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường sức khỏe | | |
| 97 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường môi trường sống | | |
| 98 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường môi trường làm việc | | |
| 99 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường môi trường học tập | | |
| 100 | Cải thiện kỹ thuật quản lý môi trường môi trường môi trường môi trường môi trường vui chơi | | |